

Số: 76/BC- TH.HS

TP Vinh, ngày 28 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2024-2025

*(Về thực hiện công khai trong hoạt động của nhà trường,
theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhà trường (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).

Tên trường: Trường Tiểu học Hồng Sơn

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của nhà trường

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 11, đường Lê Mao kéo dài, Khối 9 phường Vinh Tân, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

3. Điện thoại: 0911 182 669

Thư điện tử: clhongson.vinh@nghean.edu.vn

Website: <http://tieuhochongson.edu.vn>

4. Loại hình của nhà trường, cơ quan quản lý trực tiếp:

Trường Tiểu học Hồng Sơn là loại hình trường công lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập và trực tiếp quản lý.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân Thành phố Vinh

Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí cho chi thường xuyên của trường chủ yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm.

5. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường.

5.1. Sứ mệnh

Xây dựng một môi trường học tập có đầy đủ trang thiết bị dạy học hiện đại, phù hợp với xu thế. Tạo dựng được môi trường giáo dục dân chủ - kỷ cương nhưng thân thiện, sáng tạo. **Trường học - Nơi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, tư duy sáng tạo và kỹ năng vận dụng của bản thân đáp ứng với yêu cầu đổi mới của đất nước và hội nhập quốc tế.**

5.2. Tầm nhìn

Đến năm 2027, đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Cấp độ 2, trường chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Tiếp tục củng cố và duy trì vị thế của nhà trường là một trong những đơn vị có phong trào và chất lượng giáo dục cao của thành phố, là địa chỉ tin cậy để các bậc cha mẹ học sinh tin tưởng gửi gắm con em mình học tập, rèn luyện, góp phần xây dựng quê hương đất nước.

Đến năm 2030, phấn đấu đạt được 1 số tiêu chuẩn mức 3 kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.

5.3. Mục tiêu

Xây dựng và phát triển nhà trường đáp ứng yêu cầu giáo dục của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng đạt chuẩn chất lượng giáo dục tiểu học; củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục. Để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập và phát triển toàn diện, có khả năng tiếp tục học lên THPT. Để đáp ứng được các yêu cầu đó, nhà trường phải tập trung thực hiện các mục tiêu chiến lược sau:

Đổi mới công tác quản lý và quản trị nhà trường.

Xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên.

Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của từng học sinh.

Chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng học sinh giỏi; khuyến khích học sinh nghiên cứu khoa học, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn; chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh.

Xây dựng văn hóa nhà trường.

Huy động các nguồn lực phát triển nhà trường.

a. Giai đoạn 1 (2024-2025)

- Có ít nhất có 20% giáo viên đạt tiêu chuẩn dạy giỏi từ cấp TP trở lên; có 100% giáo viên đạt chuẩn loại khá trở lên theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

- Tỷ lệ học sinh lưu ban hàng năm không quá 2%;

- Tỷ lệ học sinh lên lớp hàng năm: 98,5 % trở lên

- Hoàn thành CTTH hàng năm: 100%.

- Nâng cao tỉ lệ học sinh giỏi các cấp

- Duy trì trường đạt danh hiệu tập thể Lao động tiến tiến. Phấn đấu tập thể Lao động xuất sắc

Giai đoạn 2 (2026-2030)

- Đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Cấp độ 2, trường chuẩn quốc gia Mức độ 1.

- 100% giáo viên, cán bộ quản lý đáp ứng chuẩn trình độ đào tạo (cử nhân) theo quy định của Luật giáo dục 2019.

- Đảm bảo hợp lý cơ cấu giáo viên theo môn học.
- Duy trì các chỉ tiêu chất lượng giáo dục (học lực, hạnh kiểm, lên lớp, tốt nghiệp, ...)
- Chất lượng giáo dục bền vững được khẳng định. Thương hiệu nhà trường được nâng cao.

6. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường.

Trường tiểu học Hồng Sơn được thành lập từ năm 1993 . Trong quá trình xây dựng và phát triển, trường đã được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 1 (2011-2016). Hiện nay, do diện tích quá nhỏ và số lượng học sinh ngày càng tăng nên trường đã bị mất chuẩn.

7. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ tên: **Lại Thị Thái Hà**

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: **Số 11, đường Lê Mao kéo dài, Khối 9 phường Hồng Sơn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.**

Số điện thoại: 0911 182 669

Thư điện tử: laiha231274@gmail.com

8. Tổ chức bộ máy:

8.1. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của nhà trường.

Số

8.2. Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường và danh sách thành viên Hội đồng trường;

- Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 28/09/2023 của Ủy ban nhân dân TP Vinh về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường tiểu học Hồng Sơn, nhiệm kỳ 2020-2025;
- Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của Chủ tịch UBND TP Vinh về việc Công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường TH Hồng Sơn, nhiệm kỳ 2020-2025;

8.3 Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường;

a. Hiệu trưởng: **Lại Thị Thái Hà**

- Quyết định số 2652/QĐ-GDDT ngày 01/8/2023 của Chủ tịch UBND TP Vinh về việc chuyển đơn vị công tác đối với bà Lại Thị Thái Hà, Hiệu trưởng trường TH Đội Cung, giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường tiểu học Hồng Sơn, kể từ ngày 01/8/2023.

b. Phó Hiệu trưởng: **Đặng Thúy Kiên**

- Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 của UBND TP Vinh về việc bổ nhiệm bà Đặng Thúy Kiên, giáo viên trường tiểu học Trường Thi giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường TH Hồng Sơn kể từ ngày 25/7/2021

8.4 Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường; sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường;

a. Cơ cấu tổ chức nhà trường:

- Hội đồng trường gồm 09 thành viên. Chủ tịch HĐ: Lại Thị Thái Hà.
- Hiệu trưởng: Lại Thị Thái Hà.
- Phó Hiệu trưởng: Đặng Thúy Kiên
- Hội đồng thi đua khen thưởng;
- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam: Chi bộ gồm 22 đảng viên trực thuộc Đảng bộ phường Vinh Tân
- Tổ chức Công đoàn: Gồm 49 công đoàn viên. Chủ tịch công đoàn cơ sở: Trần Thị Thúy. (Từ tháng 6/2025 công đoàn trường chính thức dừng hoạt động)
- Tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh: Liên Đội gồm 9 Chi Đội với 344 Đội viên. Tổng phụ trách Đội: Hồ Thị Thu Uyên
- 02 tổ chuyên môn:
- + Tổ 1+2+3: Gồm 17 thành viên. Tổ trưởng: Trần Thị Sơn Mỹ.
- + Tổ 4+5: Gồm 19 thành viên. Tổ trưởng: Lăng Thị Thanh Huyền
- Lớp học: Gồm 23 lớp học với 906 học sinh

b. Chức năng, nhiệm vụ:

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.
- Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.
- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.
- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm

định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

8.5 Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường.

Họ tên	Chức vụ	Điện thoại	Email
Lại Thị Thái Hà	Hiệu trưởng	0911.182.669	laiha231274@gmail.com
Đặng Thúy Kiên	P. Hiệu trưởng	0917.103.787	

8.6 Các văn bản khác của nhà trường:

Chiến lược phát triển của nhà trường;

Quy chế dân chủ ở cơ sở của nhà trường;

Các nghị quyết của hội đồng trường;

Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính;

Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của nhà trường và các quy định, quy chế nội bộ khác.

9 ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	CĐ
I	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	38			27	3			0	13	18	25	10		
	Giáo viên	33		5	28						10	5	17	0	
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	25		1	24					8	17	23	2		
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	3		2	1					2	1	2	1		
3	Tin học	1			1					1			1		
4	Âm nhạc	1			1					1	1		1		
5	Mỹ thuật	1			1						1		1		
6	Thể dục	1			1										
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1	1			
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1			1										

3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thư viện	1				1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	...														

10 CƠ SỞ VẬT CHẤT

10.4 Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	23/23	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	23/23	1,68 m ²
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	1 m ²	9,5 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)		
VI	Tổng diện tích các phòng	1566.24	2,22 m ²
1	Diện tích phòng học (m ²)	972 m ²	1,68 m ²
2	Diện tích thư viện (m ²)	56m ²	1.6 m ²
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	56 m ²	1,75 m ²
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	54 m ²	1.69 m ²
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	54 m ²	1.69 m ²
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	24 m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	24 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	25 bộ	
1.1	Khối lớp 1	05 bộ	01 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	05 bộ	01 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3	05 bộ	01 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 4	05 bộ	01 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5	05 bộ	01 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		

2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	36	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	24	Đang dùng được
2	Cát xét	01	Đã hỏng
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	02	Đã hỏng
5	Thiết bị khác:- Máy in	04	Đang dùng được
6	- Bảng tương tác	01	Đang dùng được

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	120m ²
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	120 m ²	60/60	1.9	1.9
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số: 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/05/2016 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

10.5 Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường

a. Danh mục sách giáo khoa lớp 5 sử dụng tại trường TH Hồng Sơn từ năm học 2024-2025

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 5

Sử dụng trong Trường Tiểu học Hồng Sơn từ năm học: 2024 -2025

(Kèm theo QĐ số 1054/QĐ-UBND, ngày 26/4/2024 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
----	----------	-------------	--------------

1	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Tiếng Việt 5	Tập 1: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Phan Thị Hồ Điệp, Nguyễn Thị Bích Hà, Nguyễn Khánh Hà, Trần Mạnh Hưởng, Trần Bích Thủy. Tập 2: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Vũ Trọng Đông, Đặng Kim Nga, Nguyễn Thị Tố Ninh, Đặng Thị Yến.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Tin học 5	Lê Khắc Thành (Chủ biên), Nguyễn Tân Ân, Ngô Thị Tú Quyên, Trịnh Đình Thắng, Nguyễn Thị Thuần.	Nhà xuất bản Đại học Vinh
8	Giáo dục Thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 5	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 5	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 5 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Tuần.	
--	--	-------	--

Danh mục gồm 12 sách giáo khoa lớp 5./.

11 KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

11.4 Kết quả tự đánh giá (năm học 2024 - 2025)

11.4.1 Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

("X": Tiêu chí được đánh giá Đạt; "/": Tiêu chí không đánh giá; "-": Tiêu chí có đánh giá nhưng Không đạt)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	/
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	/
Tiêu chí 1.8		X	X	/
Tiêu chí 1.9		X	X	/
Tiêu chí 1.10		X	X	/
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	-
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	/
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X

Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	/
Tiêu chí 5.4		X	X	/
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X		X

Kết quả: Đạt mức 2

11.4.2 Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí (Khoản, Điều)	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 1, Điều 22		X	

Khoản 2, Điều 22		X	
Khoản 3, Điều 22	X		
Khoản 4, Điều 22		X	
Khoản 5, Điều 22		X	
Khoản 6, Điều 22	X		

Kết quả: Không đạt Mức 2

11.4.3 Kết luận: Trường không đạt Mức 2 do diện tích, khuôn viên quá chật hẹp.

12 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024-2025

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế

Năm học 2024 - 2025

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	905	176	205	179	177	168
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	905	176	205	179	177	168
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	781	158	167	158	148	150

		86,3%	89,8%	81,5%	88,3%	83,6%	89,3%
2	<i>Đạt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	124 13,7%	18 10,2%	38 18,5%	21 11,7%	29 16,4%	18 10,7%
3	<i>Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)</i>	0 0,0%	0 0,0%				
IV	Số học sinh xếp loại giáo dục						
1	<i>Hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)</i>	320 35,4%	74 42%	66 32,2%	61 34,1%	62 35%	57 33,9%
2	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	239 26,4%	59 33,5%	59 28,8%	48 26,8%	58 32,8%	15 9,5%
3	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	333 37,5%	41 23,3%	79 38,5%	69 38,5%	54 30,5%	96 57,1%
4	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	4 0,4%	2 1,1%		1 0,6%	1 0,6%	
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	<i>Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)</i>	901/905 99,6%	175/177 98,9%	205/205 100%	178/179 99,6%	176/177 99,6%	168/168 100%
a	<i>Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)</i>	1906 %	91/177 65,9%	96/205 55,2%	87/179 51,8%	66/177 47,5%	98/168 50,0%
b	<i>HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)</i>	47/906 6,1%	11/177 8%	2/205 1,1%	6/179 4,3%	5/177 3,6%	23/168 15,3%
2	<i>Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)</i>	3/906 0,3%	1/177 0,7%	0	0	2/177	0

13 KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm học 2024 -2025

Căn cứ kế hoạch dự thu – chi năm học 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-TCKH ngày 16 tháng 01 năm 2025 của UBND TP Vinh Về việc Về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025 cho các đơn vị trường học TP Vinh.

Nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

*) **Nguồn ngân sách:**

DVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, tiền học phí	7.536.000.000
I	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-
1	Số thu phí, lệ phí	-

a	Học phí	
b	Thu từ cấp bù học phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
a	Chi lương	-
b	Chi hoạt động	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.536.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.11	Quỹ tiền lương	7.205.000.000
3.12	Chi hoạt động	448.000.000
3.13	Kinh phí cải cách tiền lương	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3.2.1	Kinh phí bổ sung thiết bị lớp 4	
3.2.2	Thưởng CSTĐ, bằng khen CT TP	20.590.000
3.2.3	Phần mềm kế toán	
3.2.4	Giáo viên dạy lớp ghép và tăng cường Tiếng Việt	61.446.000
3.2.5	Kinh phí nuôi sinh	0
3.2.6	Chi phí học tập	4.050.000
3.2.7	Hỗ trợ học bổng cho học sinh khuyết tật	
3.2.8	Giáo viên dạy học sinh khuyết tật	0
3.2.9	Chế độ hưu trước tuổi ND 108/2014/ND- CP	
3.2.10	Kinh phí cải cách tiền lương	0
3.2.11	Kinh phí trả BH xếp lại lương	
3.2.12	Chi khác	0

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2024-2025

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
----------	-------------	---------	---------

Học kỳ 1 năm học 2024-2025	3	1.800.000	
Học kỳ 2 năm học 2024-2025	3	2.250.000	
Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐTBLĐTBXH			
Hỗ trợ học bổng	0	0	
Học kỳ 1 năm học 2024-2025			

Học kỳ 2 năm học 2024-2025	0	0	
Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập			
Học kỳ 1 năm học 2024-2025	0	0	
Học kỳ 2 năm học 2024-2025	0	0	

3. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025 và dự kiến 2 năm tiếp theo

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
	Năm học 2024-2025			
1	Bảo hiểm y tế	73.710 đồng /tháng x số tháng	Thực hiện công văn số 1566/GDĐT-VP ngày 23/8/2024	
2	Tiền phô tô để kiểm tra	đồng/học sinh/ năm học	20.000đ	Thực hiện theo NQ 13/2021 – HDND tỉnh BK
3	Tiền học tăng cường	Học sinh học 2 buổi- ngày/năm.	540.000đ	
	- Chi phí tổ chức bán trú	Học sinh ở lại bán trú Đồng/ 1 tháng	170.000đ	

4	- Mua sắm vật dụng dùng chung	Học sinh lớp 1 đồng/ năm	200.000đ	
		Học sinh lớp 2-4 đồng/ năm	120.000đ	
5	Tiền ăn trưa học sinh bán trú	Học sinh đồng/ bữa	20.000đ	
6	Tuyển sinh học sinh lớp 1	Học sinh đồng/ năm	30.000đ	
7	Tài trợ giáo dục	Tự nguyện phụ huynh		
Năm học 2025-2026				
1	Bảo hiểm y tế	73.710 đồng /tháng x số tháng	Thực hiện công văn số 1566/GDĐT- VP ngày 23/8/2024	
2	Tiền phô tô để kiểm tra	đồng/học sinh/ năm học	20.000đ	Thực hiện theo NQ 31/2020/ N-HDDND tỉnh, CV 1966/ SGD& ĐT Nghệ An
3	- Chi phí tổ chức bán trú	Học sinh ở lại bán trú Đồng/ 1 tháng	170.000 đ	
	- Mua sắm vật dụng dùng chung	Học sinh lớp 1 đồng/ năm	200.000đ	
		Học sinh lớp	100.000đ	

		2 đến lớp 5 đồng/ năm		
5	Tiền ăn trưa học sinh bán trú	Học sinh đồng/ bữa	20.000đ	
5	Học bạ điện tử: Dành cho HS khối lớp 1.2.3.4,5	Học sinh đồng/ năm		
6	Tuyển sinh học sinh lớp 1	Học sinh đồng/ năm	30.000đ	
7	Tài trợ giáo dục	Tự nguyện phụ huynh		Thực hiện theo TT 16/2018 BGD& ĐT

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 30/06/2025

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	19.584.621	
2	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	32.644.993	TK ;3713.0.100120700000 Tiền tài trợ
3	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	54.129.231	TK; 3713.0.1080716 Tiền TC bán trú
4	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	111.705.412 Trong đó có 98.100.711 40% CCTL	TK ;3713.0.100120700000 Tiền học tăng cường
5	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	866703.116	Chăm sóc sức khỏe ban đầu
6	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng		TK ;3713.0.100120700000 Tiền tuyển sinh
7	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	21.419.779	TK ;3713.0.100120700000 Tiền TC Tiếng Anh
8	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	23.887.891	TK ;3713.0.100120700000 Tiền Stem

9	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	3.758.300	TK ;3713.0.100120700000 Đầu tư bán trú
10	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	8.396.831	TK ;3713.0.100120700000 Tiền lãi
11	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	821	TK ;3713.0.100120700000 Tiền ăn bán trú
12	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	548.400	TK ;3713.0.100120700000 Photo đề thi
13	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	27.300.000	TK ;3713.0.100120700000 Điện điều hòa
14	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	5.307.000	TK ;3713.0.100120700000 ủng hộ học sinh nghèo

5. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2025

STT	Nội dung	ĐVT	Số người/Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị	Người	33	
II	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Đồng	4.804.696.814	
III	Các khoản giảm trừ		0	
	Số lượng NPT tính giảm trừ		19	
1	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh		4.422.000.000	
2	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học		69.000.000	
3	Bảo hiểm được trừ		0	
4	Bảo hiểm được trừ	Đồng	503.338.165	
V	Thu nhập tính thuế		0	

6. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2025

STT	Nội dung	Dự toán thu năm 2025	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Dự toán thực hiện 6 tháng Cuối năm 2025	Dự toán thực hiện (6 tháng đầu năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nguồn dịch vụ	6.190.783.000	6.024.398.315	166.384.865	
1	Phô tô đề ktra	18.080.000	17.531.600	548.400	
2	Tổ chức bán trú	743.143.000	689.013.769	54.129.231.	
3	Học tăng cường	191.870.000	80.164.588	13.604.701	98.100.711 Thực hiện CCTL
4	Tiền ăn trưa	1.237.874.400	1.237.873.579	821	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.739.086.000	3.794.657.944	3.944.428.056	

1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.653.000.000	3.710.441.944	3.942.558.056	
	Tiền lương		1.899.790.414	1.955.790.414	
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		45.000.000	85.000.000	
	Phụ cấp lương		1.071.782.792	1.107.782.792	
	Các khoản đóng góp		524.593.838	526.734.850	
	Chi khác		48.378.600	55.750.000	
	Phúc lợi tập thể				
	Thanh toán dịch vụ công cộng			21.000.000	
	Vật tư văn phòng		11.241.000	25.000.000	
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		3.160.000	19.190.000	
	Công tác phí		6.750.000	6.750.000	
	Chi phí thuê Lao động trong nước		75.240.000	108.000.000	
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên		3.869.000	10.000.000	
	Chi mua hàng hóa, vật tư		20.636.300	21.560.000	
	Chi các thiết bị công nghệ thông tin			10.000.000	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	86.086.000	84.216.000	1.870.000	
	Phụ cấp lương dạy thừa giờ	61.446.000	61.446.000		

	Tiền thưởng	20.590.000	18.720.000	1.870.000	
	Hỗ trợ CPHT	4.050.000	4.050.000		

14 KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

14.4 Tham gia các cuộc thi

* Kết quả giáo dục học sinh: 906 HS

	Tổng	KQ đánh giá cuối năm	Đạt tỷ lệ %	Tăng/giảm so với năm học 2024 - 2025
Phát triển năng lực	906 HS	Đạt và Tốt	100 %	
Phát triển phẩm chất	906 HS	Đạt và Tốt	100 %	
HS khen thưởng theo TT:27	906 HS	XS: 391 em Tiêu biểu: 257 em	71.5 %	+ 5.5 %
Số học sinh HTCT TH	168 HS	168 em	100%	

Tổng số học sinh được xếp loại, đánh giá: 906 HS

* Kết quả học sinh giỏi các cấp năm học 2024– 2025

Cuộc thi	Cấp TP	Cấp tỉnh	Cấp Quốc gia
Toán Quốc tế TIMO			02 HC Vàng 12 Huy chương Bạc 11 HC Đồng 06 giải KK
Trạng nguyên TV	39 giải Nhất 30 giải Nhì, 35 giải Ba 48 KK	04 giải Nhất 05 giải Nhì, 04 giải Ba 12 KK	
Ngày hội Tiếng Anh	01 giải Nhất cấp Cụm		
Đấu trường toán học		02 Huy chương Vàng 01 Huy chương đồng 03 Giải KK	
Cuộc thi vẽ tranh Giải thưởng mỹ Thuật Tỉnh Nghệ An		1 giải Ba	
Ngày hội STEM cấp thành phố	1 Giải Nhất sân chơi, Năng lượng tái tạo và		

	bảo vệ môi trường		
Kì thi Tiếng Anh IOE		03 giải Nhất 03 giải Nhì, 03 giải Ba 04 KK	2 em đạt Huy chương Bạc 3 KK
Tiếng Anh Toef Primary		03 em đạt B1 25 em A2	2 em được chọn vào vòng chung kết cấp Quốc gia.
Tiếng Anh Truyền hình	01 giải Nhì thi tuần Quý 1		
Kết quả thi Đặng T. Mai		4 em vào lớp trọng điểm	

** Kết quả giáo viên:*

Năm học	Sáng kiến KN	LĐTT	CSTD	CSTD
	Cấp CS		Cấp cơ sở	Cấp Tỉnh
2024 - 2025	04 bản	36	08	0

*** Các hoạt động khác**

Thực hiện nghiêm túc chương trình GDPT ban hành kèm theo QĐ 16/QĐ - BGDDT, tổ chức dạy học 2 buổi/ngày phù hợp với điều kiện của trường. Đưa môn Tin học và ngoại ngữ vào tổ chức dạy học. Dạy học STEM để nâng cao trí tưởng tượng và sáng tạo cho học sinh. Tiếp tục thực hiện đề án ngoại ngữ 2020, GD trẻ khuyết tật hòa nhập...

Tăng cường các hoạt động thực hành vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn; Chú trọng giáo dục đạo đức, giáo dục giá trị sống cho HS thông qua các hoạt động xã hội, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục kỹ năng sống, tổ chức các câu lạc bộ bộ môn, các hoạt động ngoại khóa; trò chơi dân gian; Tổ chức chuyên đề giáo dục KNS (giáo dục kỹ năng sống cho học sinh khối 5, phòng tránh tai nạn đuối nước); tổ chức chương trình: “Xuân gắn kết – Tết yêu thương”; Tiếp tục phối hợp với công an phường thực hiện mô hình: “Giáo dục ý thức chấp hành pháp luật và kỹ năng sống trong trường học”; tổ chức ngày hội sách; tặng quà cho thương binh nặng và bà mẹ liệt sĩ khối 9;

Chăm sóc sức khỏe ban đầu cho HS: tổ chức khám sức khỏe cho HS toàn trường. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến đầy đủ các văn bản hướng dẫn về Bảo hiểm y tế: Năm học 2024 - 2025 đạt 100% số học sinh tham gia Bảo hiểm y tế.

Quan tâm đến sức khỏe cán bộ, nhân viên và học sinh trong trường qua việc tuyên truyền đến học sinh, phụ huynh; phối hợp tốt với trạm y tế phường, hội phụ huynh trường để thực hiện tốt công tác phòng chống thủy đậu.

14.5. Việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính .

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc các văn bản, Chỉ thị, Nghị quyết của các cấp. Bám sát các văn bản, Chỉ thị, Nghị quyết và tình hình thực tế của nhà trường, địa phương để xây dựng kế hoạch, thông qua hội đồng sư phạm nhà trường, công khai dân chủ mọi kế

hoạch.

- Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng và các bộ phận xây dựng kế hoạch theo các nhiệm vụ được phân công.
- Xây dựng quy chế làm việc, giao nhiệm vụ, quy định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, từng bộ phận. Cuối năm đánh giá kết quả thực hiện của từng thành viên trong nhà trường làm căn cứ để xếp loại thi đua.
- Xây dựng KH kiểm tra nội bộ phù hợp với thực tiễn của nhà trường trong năm học và tổ chức kiểm tra theo kế hoạch đã đề ra.
- Quản lý thu chi theo đúng quy định, đúng mục đích, đúng luật ngân sách, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, dân chủ, công bằng, công khai hợp lệ.

3. Các hoạt động giáo dục khác

- Nhà trường tổ chức nhiều sân chơi và các hoạt động GD, tăng cường các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo, giáo dục kĩ năng sống, giá trị sống, tạo cơ hội để HS được phát huy các năng lực, phẩm chất trong học tập, lao động, rèn luyện và tham gia các hoạt động tập thể, tạo cơ hội cho HS phát huy tinh thần tự chủ, tự giác, tự tin và tinh thần trách nhiệm. Trong học kỳ 1, nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động cho các em HS được thi đua, học tập, trải nghiệm như:

- + Hoạt động Kỷ niệm ngày TL Hội LHPN Việt Nam 20/10
- + Các chuỗi hoạt động chào mừng kỉ niệm 41 năm Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11: Thi đua giờ dạy tốt, giờ học tốt, Chương trình nghệ thuật chào mừng; trang trí lớp học thân thiện, hạnh phúc; các sản phẩm báo tường, tập san tri ân các thầy cô giáo...
- + Các hoạt động chào mừng Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ 12; Hội nghị VC-NLĐ; Đại hội Liên, chi đội, Đại hội Đoàn TN...
- + Tổ chức sôi nổi Hội khỏe Phù Đổng cấp trường với nhiều môn thi đấu: cờ vua, đá cầu, bóng đá... được đông đảo học sinh tham gia và sự hưởng ứng cổ vũ nhiệt tình của phụ huynh HS.
- + Tổ chức câu lạc bộ Tiếng anh cho Hs khối 3,4,5.
- + Tổ chức Trạng nguyên nhỏ tuổi, tham quan, trải nghiệm cho HS khối 2,3
- + Khuyến khích, hướng dẫn HS tham gia cuộc thi vẽ tranh “Ý tưởng trẻ thơ” ; cuộc thi vẽ tranh Chiếc ô tổ mơ ước, Nha khoa học đường.
- + Tổ chức các hoạt động NGLL: phối hợp với Công an Giao thông thành phố thực hiện chương trình “Tìm hiểu luật giao thông”; chuyên đề GD kĩ năng sống phòng ngừa xâm hại trẻ em; Chuyên đề “Phòng tránh đuối nước và tai nạn thương tích cho trẻ em; Tổ chức chương trình: “Xuân gắn kết – Tết yêu thương” mở lợn tiết kiệm để giúp đỡ học sinh nghèo ăn Tết, tổ chức Hoạt động trải nghiệm làm bánh chưng, bánh trôi cho học sinh...; tổ chức ra mắt mô hình: “ Giáo dục ý thức chấp hành pháp luật và kĩ năng sống trong trường học”; tổ chức ngày hội sách; tặng quà cho thương binh nặng và bà mẹ liệt sĩ khối 9;
- + Tổ chức Đại hội liên, Chi đội; chương trình kế hoạch nhỏ, tiết kiệm sinh thái; mua

tầm ủng hộ trung tâm người tàn tật; thực hiện phòng trào “Phòng giúp phòng, Trường giúp trường”; hỗ trợ học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn..

4. Tổ chức dạy học các chương trình tăng cường

Phối hợp với Trung tâm anh ngữ OEG, Trung tâm Anh ngữ Việt- Úc, AMA, trung Stem KDI để thực hiện tốt chương trình tăng cường.

- + Chương trình Tiếng Anh tăng cường: Số Lớp: 9 ; Số HS: 360 em
- + Chương trình Giáo dục STEM: Số Lớp: 5 ; Số HS: 186 em

5. Kết quả đánh giá xếp loại tổ chức đảng, đoàn thể

- Chi bộ: Năm 2024, xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”,
- Công đoàn cơ sở: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Liên Đội: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

6. Kết quả đánh giá viên chức và thi đua cuối năm học

- Kết quả đánh giá viên chức: 36/36 (tỷ lệ 100%) cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Trong đó: cá nhân HTXSNV là: 07/36 (19,4%); cá nhân HTTNV: 29/36 (81.3%)

- Kết quả thi đua tập thể:
- + UBND TP Vinh công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”.
- Kết quả thi đua cá nhân:

36/36 CBQL-GV-NV đạt Lao động tiên tiến (100%), trong đó có 08 chiến sĩ thi đua cơ sở.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2024-2025 về thực hiện công khai trong hoạt động giáo dục của trường TH Hồng Sơn (theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT (để báo cáo);
- CBQL, GV, NV toàn trường;
- Niêm yết Bảng tin công khai;
- Website trường;
- Ban đại diện CMHS;
- Lưu: VT.



HỌ TÊN TRƯỞNG

Lại Thị Thái Hà